TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST
Ngày: 28-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm
2. Ông Phạm Hoàng Kiệt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng***: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST-DS, ngày 27 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-DS, ngày 26/08/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Ngọc H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện C, thành phố T (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc H1, sinh năm 1986 và ông Tô Văn Kh, sinh năm 1989; Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đoàn Ngọc H trình bày:

Ngày 09/03/2019 ông Đoàn Ngọc H có cho vợ chồng ông Tô Văn Kh và bà Lê Thị Ngọc H1 vay số tiền là 580.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng (đến ngày 09/06/2019). Đến hạn trả nợ vợ chồng ông Kh, bà H1 không trả gốc và lãi

cho ông H theo hợp đồng.

Ông H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Kh, bà H1 trả tiền vay gốc 580.000.000 đồng; tiền lãi theo thỏa thuận là 2%/tháng tính từ ngày 02/3/2019 đến ngày 09/02/2022 là 35 tháng với số tiền 406.000.000 đồng; Tiền phạt do chậm trả lãi với mức phạt 2%/tháng (tính từ ngày 09/4/2019) là 123.984.447 đồng. Tổng cộng là 1.109.984.447 đồng (một tỷ một trăm lẽ chín triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

Bị đơn ông Tô Văn Kh và bà Lê Thị Ngọc H1 được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu phản tố nên không có ý kiến trình bày.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Bản tự khai; bản kê tiền vay gốc và lãi từ ngày 09/3/2019 đến ngày 09/02/2022; Hợp đồng vay tiền ngày 09/03/2019; Đơn xác nhận nơi cư trú của Bị đơn; Thông báo số 1261/TB-CQĐT ngày 10/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Ninh Kiều v/v trả lời đơn của ông Đoàn Ngọc H; Đơn xin vắng mặt.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tô Văn Kh và bà Lê Thị Ngọc H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Kh, bà H1 cũng không có yêu cầu phản tố. Về phía nguyên đơn ông Đoàn Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Đoàn Ngọc H với bị đơn ông Tô Văn Kh, bà Lê Thị Ngọc H1 là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Cụ thể nguyên đơn ông Đoàn Ngọc H yêu cầu vợ chồng ông Tô Văn Kh, bà Lê Thị Ngọc H1 trả số tiền vay gốc, tiền lãi và tiền phạt do chậm trả lãi tổng cộng là 1.109.984.447 đồng (một tỷ một trăm lẽ chín triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng).

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền vay gốc là 580.000.000 đồng; tiền lãi 2%/tháng từ ngày 02/3/2019 đến ngày 09/02/2022 (35 tháng) với số tiền 406.000.000 đồng; tiền phạt do chậm trả lãi là 123.984.447 đồng. Tổng cộng là 1.109.984.447 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hợp đồng vay tiền 09/03/2019 thì ông H cho vợ chồng ông Kh, bà H1 vay số tiền 580.000.000 đồng (trong đó ghi rõ 440.000.000 đồng là tiền vay gốc và 140.000.000 đồng là tiền lãi) thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 09/3/2019 đến ngày 09/6/2019); lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, tiền lãi được trả đúng vào ngày thứ 30 tính từ ngày vay, tiền lãi nếu trả chậm sẽ bị phạt 2%/tháng.

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/8/2022 ông H trình bày: Ông H cho vợ chồng ông Kh, bà H1 vay số tiền 440.000.000 đồng khoảng tháng 11/2017, lãi suất 4%/tháng, đến ngày 09/3/2019 hai bên làm lại biên nhận mới với số tiền 580.000.000 đồng (trong đó tiền vay gốc là 440.000.000 đồng, lãi là 140.000.000 đồng), ông H không còn giữ biên nhận cũ nên không nhớ ngày cho vay số tiền 440.000.000 đồng. Từ khi vay đến ngày 09/3/2019 vợ chồng ông Kh, bà H1 có trả cho ông H được tiền lãi là 80.000.000 đồng.

Xét lời trình bày của ông H là phù hợp với kết quả xác minh của Cơ quan cảnh sát Điều tra Quận Ninh Kiều - Thành phố Cần Thơ. Cụ thể theo Thông báo số 1261/TB-CQĐT ngày 10/9/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận Ninh Kiều về việc trả lời đơn tố cáo cáo của ông Đoàn Ngọc H có nội dung:

"Qua làm việc với Lê Thị Ngọc Hương và Tô Văn Khởi cả hai vợ chồng thừa nhận có vay số tiền 440.000.000 đ của Đoàn Ngọc Hải vào tháng 11/2017 tại đường Nguyễn Ngọc Trai, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ với mục đích để làm ăn, thời gian đầu Hương và Khởi có trả lãi cho Hải khoảng 80.000.000 đồng, nhưng thời gian sau do làm ăn thua lỗ nên không còn khả năng đóng lãi và trả nợ gốc. Hương và Khởi đã đi làm thuê ở Kiên Giang và Thành phố Hồ Chí Minh để kiếm tiền trả nợ và cam kết mỗi tháng sẽ trả cho ông H 10.000.000 đồng. Đến ngày 17/01/2020 Hương có khắc phục cho Hải số tiền là 10.000.000 đồng".

Như vậy, thực tế vào tháng 12/2017 ông H có cho vợ chồng ông Kh, bà H1 vay số tiền 440.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng, do vợ chồng ông Kh, bà H1 không trả đủ tiền gốc và lãi nên đến ngày 09/3/2019 hai bên mới làm lại biên nhận mới với số tiền 580.000.000 đồng (tiền gốc 440.000.000 đồng, lãi là 140.000.000 đồng). Vợ chồng ông Kh, bà H1 vay tiền của ông H nhưng

không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên ông H khởi kiện vợ chồng ông Kh, bà H1 yêu cầu trả nợ tiền vay là có căn cứ. Tuy nhiên, cần phải xác định lại số tiền vay gốc ban đầu và tiền lãi phải được tính lại theo quy định tại 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, cụ thể:

"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực...".

Theo quy định trên thì mức lãi suất do các bên thỏa thuận không được vượt quá 1,66%/tháng. Để tính được số tiền lãi vợ chồng ông Kh, bà H1 phải trả cho ông H từ ngày vay (440.000.000 đồng) đến ngày hai bên thỏa thuận làm lại hợp đồng mới (ngày 09/03/2019) thì cần xác định được ngày ông H cho vợ chồng ông Kh, bà H1 vay số tiền 440.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông H trình bày là do thời gian đã lâu, sau khi làm biên nhận mới thì không còn giữ biên nhận cũ nên không nhớ ngày cho vay số tiền 440.000.000 đồng.

Trong thông báo trả số 1261/TB-CQĐT ngày 10/9/2021 của Cơ quan CSĐT Công an Quận Ninh Kiều thì ông H và vợ chồng ông Kh, bà H1 đều trình bày thời gian vay là khoảng tháng 12/2017 (không xác định được ngày).

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất lấy mốc thời gian là tháng để tính lãi, cụ thể từ tháng 12/2017 đến tháng 03/2019 là 15 tháng, tiền lãi của số tiền 440.000.000 đồng là: 440.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 15 tháng = 109.560.000 đồng, trừ số tiền lãi ông Kh, bà H1 trả cho ông H trong thời gian này là 80.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại là 29.560.000 đồng.

Như vậy, tính đến thời điểm hai bên làm lại hợp đồng vay (ngày 09/3/2019) vợ chồng ông Kh, bà H1 còn nợ ông H số tiền gốc (440.000.000 đồng) và lãi (29.560.000 đồng) tổng cộng là 469.560.000 đồng.

Đến ngày 09/3/2019 hai bên làm lại hợp đồng vay mới, thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 09/3/2019 đến ngày 09/6/2019), lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng.

Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

"2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng…

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).

b) Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = (nợ lãi chưa trả) x (lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc);

c) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất do các bên thỏa thuận hoặc 150% lãi suất vay do các bên thỏa thuận) x (thời gian chậm trả nợ gốc)”.

Theo quy định nêu trên, tiền lãi trên nợ gốc (469.560.000 đồng) trong hạn 03 tháng (từ ngày 09/3/2019 đến ngày 09/6/2019) là: 469.560.000 đồng x 1,66% x 03 tháng = 23.384.000 đồng. Tính đến ngày 09/6/2019 vợ chồng ông Kh, bà H1 còn nợ ông H tiền vay gốc là 469.560.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 23.384.000 đồng.

Do vợ chồng ông Kh, bà H1 chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn nên còn phải trả lãi trên nợ lãi và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo hướng dẫn tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, cụ thể:

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = 23.384.000 đồng x 0,83% x thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc (từ ngày 09/6/2019 đến 28/9/2022) là 39 tháng 19 ngày = 7.692.000 đồng.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn = 469.560.000 đồng x 1,66% x 150% x 39 tháng 19 ngày = 463.394.677 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và các khoản lãi tính đến ngày xét xử 28/9/2022 vợ chồng ông Kh, bà H1 còn thiếu ông H là:

Nợ gốc 469.560.000 đồng + nợ lãi trong hạn 23.384.000 đồng + lãi trên nợ lãi 7.692.000 đồng đồng + lãi trên nợ gốc quá hạn 463.394.677 đồng = 964.030.000 đồng (chín trăm sáu mươi bốn triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng bà H1 trả cho ông H ngày 17/01/2020. Số tiền còn lại vợ chồng ông Kh, bà H1 phải trả cho ông H là 954.030.000 đồng (chín trăm năm mươi bốn triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Về tiền phạt do chậm trả lãi: Xét yêu cầu của ông H đòi vợ chồng ông Kh, bà H1 phải chịu tiền phạt do chậm trả lãi với mức phạt 2%/tháng tính từ ngày 09/4/2019 với số tiền 123.984.447 đồng. Yêu cầu này của ông H là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, vì Bộ luật dân sự 2015 và Nghị định số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao chỉ quy định về việc tính lãi suất trong hợp đồng vay và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng sau khi xét xử, không quy định về chế tài xử phạt khi bên vay chậm thực hiện nghĩa vụ trả lãi. Do đó yêu cầu này của ông H là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đơn khởi kiện ông H yêu cầu vợ chồng ông Kh, bà H1 trả tổng số tiền là 1.109.984.447 đồng, nhưng chỉ được Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền 954.030.000 đồng. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông H đối với số tiền là 155.954.447 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng).

Về trách nhiệm trả nợ: Theo hồ sơ xác minh của Cơ quan CSĐT Công an Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ thì vợ chồng bà H1 và ông Kh thừa nhận có vay của ông H số tiền 440.000.000 đồng vào tháng 12/2017 để làm ăn. Vì vậy, vợ chồng ông Kh, bà H1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền vay gốc và lãi là 954.030.000 đồng (chín trăm năm mươi bốn triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

[4]. Về án phí: Vợ chồng Khởi, bà H1 phải tiền chịu án phí là 40.620.900 đồng (bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn chín trăm đồng).

Ông H phải chịu tiền án phí đối với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 155.954.447 đồng x 5% = 7.797.722 đồng (bảy triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

ông H đã nộp là 22.649.767 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0003224 ngày 25/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Ông H được nhận lại số tiền là 14.852.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm năm mươi hai nghìn không đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 91, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Ngọc H với bị đơn ông Tô Văn Kh, bà Lê Thị Ngọc H1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc vợ chồng ông Tô Văn Kh, bà Lê Thị Ngọc H1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đoàn Ngọc H số tiền vay gốc và lãi tổng cộng là 954.030.000 đồng (chín trăm năm mươi bốn triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Về lãi suất sau khi xét xử: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2022) cho đến khi thi hành án xong số tiền 954.030.000 đồng (chín trăm năm mươi bốn triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận do chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng là 2%/tháng.

4. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Ngọc H đối với bị đơn ông Tô Văn Kh, bà Lê Thị Ngọc H1 đối với số tiền là 155.954.447 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng).

5. Về án phí: Vợ chồng Khởi, bà H1 phải tiền chịu án phí là 40.620.900 đồng (bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn chín trăm đồng);

Ông H phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 7.797.722 đồng (bảy triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 22.649.767 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm sáu

mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0003224 ngày 25/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Ông H được nhận lại số tiền là 14.852.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm năm mươi hai nghìn không đồng).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh